TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 257/2018/HN-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trí**

2. Bà **Nguyễn Thị Ly**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Võ Phú V** - Sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Bích T –** Sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Võ Phú V trình bày, ông và bà Nguyễn Thị Bích T sống chung vào năm 2009 và đăng ký kết hôn năm 2010. Sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc, hai bên gia đình mâu thuẫn nhau về tiền bạc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Về con chung: Ông V xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Bích T - Sinh ngày 25/10/2010, hiện nay đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn ông V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông V xác định không có.

Về nợ chung: Ông V xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông V, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông V thay đổi yêu cầu, đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con, còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Ông Võ Phú V khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Bích T có nơi cư trú ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Bích T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa, nhưng bà T vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Bích T là có căn cứ.

Ông V thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung, tự nguyện để bà Bích T nuôi con chung. Xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V.

[2]- Về nội dung: Ông Võ Phú V và bà Nguyễn Thị Bích T sống chung vào năm 2009 và đăng ký kết hôn vào năm 2010. Vợ chồng sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc, gia đình hai bên mâu thuẫn nhau về tiền bạc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông V yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V và bà T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, bà T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông V, nhưng bà T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của bà T đối với ông V đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc.

Do đó, việc ông V xin ly hôn bà Tuyền là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Ông V xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Bích T - Sinh ngày 25/10/2010, hiện nay đang sống chung với bà T. Tại phiên tòa, ông V thay đổi yêu cầu về con chung, ông đồng ý để bà T được chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự tự nguyện của ông V về con chung không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, từ khi ly thân đến nay, cháu T sống chung với bà T, nên tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng và để cho cháu T ổn định cuộc sống sau khi cha mẹ ly hôn, nên để bà Tuyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do bà T và cháu T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Ông V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Không có.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Võ Phú V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Võ Phú V** xin ly hôn bà **Nguyễn Thị Bích T**.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vĩnh về yêu cầu nuôi con chung.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Bích T - Sinh ngày 25/10/2010, hiện đang sống với bà T. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Phú V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận ông V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông V và bà Tn vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Võ Phú V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0019433 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức